

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Tài

Bà Trần Thị Minh Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn An Phước - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** (Không tham gia)

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm 2001 (có mặt)

Nơi cư trú: số A, ấp H, xã L, tỉnh Đồng Tháp

- **Bị đơn:** Ông Trần Anh M, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: số A, khóm H, phường T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Kiều T trình bày:

Bà T và ông Trần Anh M do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 24/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được. Bà T yêu cầu ly hôn ông Trần Anh M.

Con chung: Bà T và ông M có 01 con chung tên Trần Phạm Gia P, sinh ngày 30/10/2022, đang do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng Trần Phạm Gia P.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại Biên bản hòa giải ngày 18/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Anh M trình bày:

Quan hệ hôn nhân của ông M, bà T đăng ký kết hôn như bà T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu phát sinh từ bất đồng quan hệ gia đình giữa ông M với cha, mẹ vợ. Bà T bệnh cha mẹ nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ông M xác định còn tình cảm thương yêu bà T, không đồng ý ly hôn.

Con chung: Ông M và bà T có 01 con chung tên Trần Phạm Gia P, sinh ngày 30/10/2022. Trường hợp phải ly hôn, ông M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu bà T cấp dưỡng con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày, bị đơn trình bày nếu bà T kiên quyết ly hôn thì đồng ý và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; không ai nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T là người có quyền khởi kiện ông M tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường T, tỉnh Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà T và ông M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 24/10/2023. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan hệ gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà T, ông M không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà T muốn sống chung cùng ông M. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M xác định nếu bà T kiên quyết ly hôn thì ông M đồng ý. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông M.

[3] Bà T, ông M có 01 con chung tên Trần Phạm Gia P, sinh ngày 30/10/2022. Khi ly hôn, bà T, ông M cùng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, con chung Trần Phạm Gia P, sinh ngày 30/10/2022 chưa đủ 36 tháng tuổi, đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Phạm Gia P.

Bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng con chung nên ông M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung Trần Phạm Gia P.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có.

[5] Án phí: Buộc bà T nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều T.

- Bà Phạm Thị Kiều T và ông Trần Anh M ly hôn với nhau.

- Về con chung: Buộc ông Trần Anh M giao bà Phạm Thị Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Phạm Gia P, sinh ngày 30/10/2022. Ông Trần Anh M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng Trần Phạm Gia P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Phạm Thị Kiều T nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số No 0000632 ngày 22/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên bà Phạm Thị Kiều T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Thi hành án dân sự: 1;
- UBND phường T,
tỉnh Vĩnh Long: 1;
- Dương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

